

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-PT

Ngày 26 - 11 - 2025

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Kim Liên.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Nghĩa, bà Đinh Thị Mai Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sòi Ngọc An Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 02/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3, Sơn La bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 05 ngày 12 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Giàng Nhịa S (tên gọi khác: Giàng Nhịa S1), sinh năm 1966; nơi cư trú: Bản C, xã N, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Giàng A S2, sinh năm 1993; nơi cư trú: Bản C, xã N, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Điều Chính T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Giàng A S3; nơi cư trú: Bản C, xã N, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông Giàng A S3): Ông Đàm Mạnh H, sinh năm 1955. Nơi cư trú: Tổ E Q, Phường T, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Và Thị S4, sinh năm 1976; nơi cư trú: Bản C, xã N, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Bà Vàng Thị D (tên gọi khác: Và Thị D1), sinh năm 1968; nơi cư trú: Bản C, xã N, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người kháng cáo:
- + Bị đơn: Ông Giàng A S3.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Giàng Nhịa S; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Giàng A S2 trình bày:

Ngày 23/9/2024, gia đình ông Giàng A S3, trú tại bản Pá Lâu (bây giờ sáp nhập bản thành bản Co Dâu), xã N, huyện S, tỉnh Sơn La, đến phát nương để trồng trọt đã lấn chiếm diện tích là 5.254,32 m² đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 09 của gia đình ông, đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH081834 do UBND huyện S, tỉnh Sơn La cấp ngày 20/4/2017 mang tên ông Giàng Nhịa S và vợ là Vàng Thị D. Gia đình ông đã sử dụng đất ổn định từ năm 2009 đến tháng 10 năm 2024, không tranh chấp với ai. Ngay sau phát sinh tranh chấp gia đình ông cũng đã đến ngăn chặn việc phát nương của gia đình ông Giàng A S3 nhưng ông S3 không đồng ý. Do đó gia đình ông đã làm đơn đề nghị ban Q, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La giải quyết nhưng không thành.

Ngày 07/10/2024, gia đình ông đã tiếp tục làm đơn đề nghị UBND xã N hoà giải. Đến ngày 07/01/2025 UBND xã N đã tổ chức hoà giải giữa hai gia đình nhưng cũng không thành. UBND xã N đã lập biên bản hoà giải không thành và đề nghị các bên giữ nguyên hiện trạng, không được đốt, không được canh tác.

Nay nhận thấy hai bên gia đình không thể thỏa thuận được với nhau, nên ông đã làm đơn khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện Sông Mã buộc ông Giàng A S3 phải trả lại cho ông diện tích đất đã lấn chiếm là 5.254,32 m² đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 09 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH081834 của gia đình ông và chịu trách nhiệm bồi thường các khoản chi phí phát sinh trong vụ kiện này theo quy định.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất đang tranh chấp là 6.274,3 m² nên ông Giàng Nhịa S đã bổ sung yêu cầu khởi kiện theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, yêu cầu ông Giàng A S3 phải trả toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 6.274,3 m².

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vàng Thị D: nhất trí với phần trình bày của ông Giàng Nhịa Sùng .

Trong bản tự khai, phiên hòa giải và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Giàng A S3, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Đàm Mạnh H trình bày:

Thửa đất đang tranh chấp là của vợ chồng ông không phải của ông Giàng Nhịa Sùng . Nguồn gốc như sau: Thửa đất này ông được bố mẹ để lại có diện tích khoảng 5.254,32 m² là đất sản xuất nông nghiệp phát triển kinh tế hộ gia đình. Thửa đất này ông cùng bố mẹ ông đã canh tác từ năm 1992 đến năm 2007.

Do quá trình sản xuất lâu năm, đất bị bạc màu nên gia đình quyết định để đất tự phục hồi, tính từ năm không sử dụng đến hiện tại đã được 18 năm. Suốt quá trình sử dụng đến hiện tại đều không có ai khiếu nại, tranh chấp. Năm 2009 ông có cho ông S mượn đất để canh tác, mượn tạm thời trong thời gian ngắn nên không làm văn bản, giấy tờ gì. Đến năm 2011 ông không cho canh tác nữa. Ngày 14/09/2024 ông nói với con trai là anh Giàng A S5 cùng con dâu đi phát thửa đất đó để phục vụ nhu cầu sản xuất nông sản. Khi phát được 02 ngày thì ông Giàng Nhị S cùng con trai Giàng A T1 ra ngăn cản không cho phát thửa đất trên vì cho rằng thửa đất đó nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Giàng Nhị Sùng . Con trai ông đã gọi điện trực tiếp thông báo với ông về vấn đề trên và tại thời điểm đó ông Giàng Nhị S cũng có mặt, ông đã xin được cùng ông Giàng Nhị S bàn bạc cũng như tự hòa giải thì ông Giàng Nhị S không nhất trí. Ông Giàng Nhị S không có đến một biên bản chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thừa kế, thế chấp nào từ gia đình ông. Không có bất cứ một bằng chứng nào chứng minh số diện tích thửa đất trên là gia đình ông đã giao cho ông Giàng Nhị S để đưa vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Giàng A S3 không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Giàng Nhị Sùng .

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Giàng A S3 và ông Đàm Mạnh H thay đổi lời khai: Ông S3 và ông H đều xác định hiện tại thửa đất đang tranh chấp là của gia đình ông Giàng Sánh P (anh trai của ông S3) đã khai hoang canh tác từ năm 1990. Đến năm 2000 ông P được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00497 QSDĐ/66/QĐUB/2000 ngày 19/3/2000, do UBND huyện S cấp, mang tên Giàng Sánh P gồm có: 03 thửa đất tổng diện tích là: 20.572 m², trong đó có 01 thửa: 300 m² đất ở, 01 thửa: 2.842 m² đất nương rẫy, 01 thửa: 17.340 m² đất nương rẫy. Đến năm 2005 thì ngừng không canh tác, đồng thời gia đình ông Giàng Sánh P chuyển đi ở nơi khác giao lại toàn bộ 03 thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P cho ông S3 quản lý và sử dụng. Vì đất đã bị bạc màu không tiếp tục canh tác. Nay đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Giàng Nhị S và yêu cầu hủy 01 phần của giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH 081834 mang tên ông Giàng Nhị S do UBND huyện S, tỉnh Sơn La cấp ngày 20/4/2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Và Thị S4: nhất trí với phần trình bày của ông Giàng A S3, ông Đàm Mạnh H.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Kết quả như sau: Thửa đất tranh chấp tại Bản C, xã N, tỉnh Sơn La có diện tích là 6.274,3 m² đất, ký hiệu N thuộc thửa số 13, tờ bản đồ số 9 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 081834 mang tên ông Giàng Nhị S và bà Vàng Thị D. Tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp đất ông H1 và đất ông Giàng A S3, được xác định từ điểm A5 đến A9, A10, A11; chiều dài cạnh lần lượt là 11,96m; 4,25m; 29,13m; 19,53m; 15,02m; 21,28m; 9,16m.

Phía Nam giáp đất ông Giàng Nhịa S, được xác định từ điểm A3 đến A2, A1; chiều dài cạnh lần lượt là 27,38m; 38,60m.

Phía Đông giáp đất ông Giàng Nhịa S, được xác định từ điểm A3 đến A4, A5; chiều dài cạnh lần lượt là: 27,63m; 55,947m.

Phía Tây giáp đất ông Giàng Nhịa S, được xác định từ điểm A1 đến A14, A13, A12, A11; chiều dài cạnh lần lượt là: 22,48m; 18,31m; 29,28m; 14,91m.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La đã làm việc với ông Và A D2 - trưởng bản Co Dâu, xã N; ông Lương Văn T2 – Công chức địa chính xã N. Kết quả xác minh như sau: Gia đình ông Giàng A S3 sử dụng canh tác thửa đất từ năm 1990 đến năm 2007 thì không canh tác nữa. Gia đình ông Giàng Nhịa S sử dụng canh tác liên tục từ năm 2009 đến khi phát sinh tranh chấp là tháng 10/2024. Việc giữa gia đình ông Giàng A S3 và ông Giàng Nhịa S có thỏa thuận như thế nào thì chính quyền xã không biết vì không ai thông báo.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La đã xét xử và Quyết định:*

Căn cứ Điều 197 ; Điều 100 Luật Đất đai 2013; các Điều 4, Điều 9, Điều 11, Điều 12; Điều 13, Điều 26, Điều 28; Điều 129; Điều 236 Luật Đất đai 2024; Điều 5, Điều 26, Điều 35 và Điều 39; Điều 68; Điều 157; Điều 158; Điều 186, Điều 188; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Giàng Nhịa Sùng .

2. Buộc bị đơn ông Giàng A S3 phải trả cho ông Giàng Nhịa S thửa đất tranh chấp tại Bản C, xã N, tỉnh Sơn La (trước khi sáp nhập là Bản Co Dâu, xã N, tỉnh Sơn La) có tổng diện tích 6.274,3 m² đất, ký hiệu N thuộc thửa số 13, tờ bản đồ số 9, đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 081834 mang tên ông Giàng Nhịa S và bà Vàng Thị D do UBND huyện S, tỉnh Sơn La cấp ngày 20/4/2017, có tứ cận cụ thể như sau:

Phía Bắc giáp đất ông H1 và đất ông Giàng A S3, được xác định từ điểm A5 đến A9, A10, A11; chiều dài cạnh lần lượt là 11,96m; 4,25m; 29,13m; 19,53m; 15,02m; 21,28m; 9,16m.

Phía Nam giáp đất ông Giàng Nhịa S, được xác định từ điểm A3 đến A2, A1; chiều dài cạnh lần lượt là 27,38m; 38,60m.

Phía Đông giáp đất ông Giàng Nhịa S, được xác định từ điểm A3 đến A4, A5; chiều dài cạnh lần lượt là: 27,63m; 55,947m.

Phía Tây giáp đất ông Giàng Nhịa S, được xác định từ điểm A1 đến A14, A13, A12, A11; chiều dài cạnh lần lượt là: 22,48m; 18,31m; 29,28m; 14,91m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 07/8/2025, bị đơn ông Giàng A S3 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Không chấp nhận quyết định của bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm, tuyên: Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 081834, số vào sổ cấp giấy CN số: CH 00781 QD số 210/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của UBND huyện S, tỉnh Sơn La đã cấp ngày 20/4/2017 cấp cho gia đình ông Giàng Nhịa S và bà Vàng Thị D, trả lại cho ông Giàng Sánh P (Đã giao cho S3 sử dụng 17.340 m². Theo GCNQSDĐ số 00497, cấp ngày 19/3/2000 của UBND huyện S, tỉnh Sơn La mang tên ông Giàng Sánh P).

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Ý kiến của bị đơn và người đại diện theo uỷ quyền bị đơn: Giữ nguyên nội dung kháng cáo. Không nhất trí với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Giàng Nhịa S: Không nhất trí với kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Giàng A S3. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

Về án phí phúc thẩm: Ông Giàng A S3 được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Giàng Nhịa S khởi kiện ông Giàng A S3 yêu cầu trả lại diện tích đất lấn chiếm 6.274,3m² thuộc thửa số 13, tờ bản đồ số 9, đất được cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số CH 081834 mang tên ông Giàng Nhịa S và bà Vàng Thị D. Bị đơn ông Giàng A S3 có địa chỉ tại Bản C, xã N, tỉnh Sơn La. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 9 Điều 26 và thụ lý giải quyết xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Giàng A S3 không nhất trí với bản án sơ thẩm, có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định. Do đó được chấp nhận xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn:

Căn cứ hồ sơ vụ án và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/4/2025 xác định diện tích đất tranh chấp giữa các bên có diện tích là 6.274,3 m², thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 9, bản C, xã N, tỉnh Sơn La, đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH081834 cấp ngày 20/4/2017 mang tên ông Giàng Nhịa S và bà Vàng Thị D. Tài liệu do UBND xã N cung cấp cùng lời khai của người dân lân cận thể hiện: Từ năm 2009, vợ chồng ông Giàng Nhịa S đã trực tiếp quản lý, canh tác ổn định trên phần đất này, không có tranh chấp với ai, cho đến khi ông Giàng A S3 có hành vi lấn chiếm một phần đất năm 2024.

Quá trình giải quyết vụ án tại lời khai ông S3 trình bày đất có nguồn gốc của bố mẹ ông để lại và khai phá sử dụng từ năm 1992 đến năm 2007 thì không sử dụng nữa, tại phiên tòa sơ thẩm ông S3 lại cho rằng diện tích đất này là của ông Giàng Sánh P (anh trai ông) khai phá từ năm 1990, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2000, tuy nhiên ông không cung cấp được căn cứ chứng minh về nguồn gốc đất là của bố mẹ ông để lại, không chứng minh được diện tích đất tranh chấp nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông, cũng như cung cấp được tài liệu đo đạc, bản đồ hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền để chứng minh thửa đất tranh chấp nằm trong Giấy chứng nhận của ông P.

Tại Công văn của Chi nhánh Văn phòng Đ cũng không có cơ sở xác định diện tích đất cấp cho ông P có liên quan đến khu đất tranh chấp không vì thửa đất được cấp cho ông Giàng Sánh P năm 2000 được đo vẽ thủ công, hồ sơ lưu trữ tại đơn vị cơ bản chỉ có sơ đồ tổng thể giao đất, không có toạ độ cụ thể, không có đủ cơ sở để xác định vị trí thửa đất. Quá trình giải quyết vụ án ông S3 không có yêu cầu phản tố, trước phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, bị đơn ông Giàng A S3 và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn không có yêu cầu. Đối với yêu cầu huỷ 01 phần của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 081834 mang tên Giàng Nhịa S do UBND huyện S cấp ngày

20/4/2017 thực hiện tại phiên toà sơ thẩm, Toà án nhân dân khu vực 3 – Sơn La căn cứ nội dung đơn khởi kiện của ông S, không xem xét yêu cầu của ông S3 là có căn cứ. Ông S3 có quyền yêu cầu có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

Ngoài ra ông S3 còn cho rằng năm 2009, ông cho ông Sùng mượn diện tích đất này tuy nhiên cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Ông S3, bà S4 đều thừa nhận từ năm 2007 đã không còn sử dụng, sản xuất, canh tác trên diện tích đất này. Do vậy, có đủ căn cứ xác định quyền sử dụng đất hợp pháp thuộc về ông Giàng Nhịa S và bà Vàng Thị D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH081834. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Giàng A S3, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Giàng A S3 không được chấp nhận nên ông Giàng A S3 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, Ông Giàng A S3 là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Giàng A S3, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Giàng A S3 được miễn án phí dân sự phúc thẩm, ông S3 được trả lại số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0000181 ngày 08/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 26/11/2025).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND khu vực 3 – Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đieu Thị Kim Liên